

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN LẠC  
TỈNH HÒA BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2024/HS-ST  
Ngày 02 - 7 - 2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN LẠC, TỈNH HÒA BÌNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Mạnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Văn Lữ và bà Bùi Thị Oanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc tham gia phiên tòa:**  
Bà Bùi Thị Nhạn - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Đinh Văn D (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 01/02/1995 tại huyện T, tỉnh Hòa Bình; nơi cư trú: Xóm B, xã P, huyện T, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Công L và bà Bùi Thị D1; có vợ là Bùi Thị C và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị Tòa án kết án hay bị cơ quan Nhà nước xử phạt vi phạm hành chính lần nào; bị tạm giam từ ngày 11/01/2024 cho đến nay. Có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo Đinh Văn D:* Ông Đàm Văn V - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H. Có mặt.

*Bị hại:* Chị Đào Thanh H, sinh năm 1979; nơi cư trú: Số nhà xx, phường C, quận B, thành phố Hà Nội. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Anh Phạm Quốc V1, sinh năm 1977; nơi cư trú: Số nhà xx, phường C, quận B, thành phố Hà Nội. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Anh Bùi Văn N, sinh năm 1996; nơi cư trú: Xóm Đ, xã M, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Ông Lò Văn P, sinh năm 1971; nơi cư trú: Bản C, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 6/2022, Đinh Văn D thông qua người bạn là Bùi Văn N được biết ông Lò Văn P có mảnh đất diện tích 13.249m<sup>2</sup> tại bản C, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La do ông P đứng tên chủ sở hữu đang muốn bán với giá 1.120.000.000 (*Một tỷ một trăm hai mươi triệu*) đồng và phải đặt cọc để mua đất là 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng. Sau khi có thông tin mảnh đất trên, D đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người có nhu cầu mua đất. D đã đăng thông tin mảnh đất đó (Về diện tích, vị trí địa lý, nhưng không đăng thông tin về giá cả) lên trang cá nhân zalo của D để rao bán. Sau khi D đăng thông tin lên zalo, có chị Đào Thanh H, là người có quen biết với D từ trước đã nhìn thấy bài đăng của D. Do có nhu cầu muốn mua đất, nên chị H đã nhắn tin qua zalo cho D hỏi về thông tin mảnh đất. Sau đó, D đã chủ động gọi điện cho chị H nói là chủ mảnh đất đang muốn bán mảnh đất với giá 2.200.000.000 (*Hai tỷ hai trăm triệu*) đồng và rủ chị H góp tiền để mua chung mảnh đất trên. D nói với chị H phải đặt cọc 500.000.000 (*Năm trăm triệu*) đồng, D sẽ góp 200.000.000 (*Hai trăm triệu*) đồng, chị H góp 300.000.000 (*Ba trăm triệu*) đồng. Chị H đồng ý và bảo D đi làm thủ tục đặt cọc vì chị H ở xa không lên được. Chị H sẽ chuyển tiền cho D qua số tài khoản ngân hàng để D làm hợp đồng đặt cọc.

Đến ngày 01/7/2022, Đinh Văn D rủ Bùi Văn N cùng đi lên nhà ông Lò Văn P để thiết lập hợp đồng đặt cọc mua đất. Tại đây, D đã bảo N viết một bản hợp đồng đặt cọc 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng, để mua mảnh đất diện tích 13.249m<sup>2</sup> của ông P với giá 1.120.000.000 (*Một tỷ một trăm hai mươi triệu*) đồng. Hợp đồng thể hiện bên bán (Bên A) là ông Lò Văn P và bà Lò Thị C1, bên mua (Bên B) là chị Đào Thanh H, bên làm chứng (Bên C) là Đinh Văn D. Sau đó, D cho các bên ký vào hợp đồng đặt cọc đó, D ký bên người làm chứng và ký thay bên người mua. Ngoài ra, D cho vợ chồng ông P ký thêm một hợp đồng đặt cọc chưa viết nội dung. Vợ chồng ông P không biết mục đích việc làm này của D, chỉ biết D nói là để nếu có sai gì còn sửa lại, nên đã tin tưởng ký tên và điểm chỉ theo hướng dẫn của D. Sau khi các bên ký tên, điểm chỉ xong, theo hướng dẫn của D bảo N viết vào hợp đồng đã ký tên, điểm chỉ còn để trống nội dung trên, thể hiện đặt cọc 500.000.000 (*Năm trăm triệu*) đồng để mua mảnh đất diện tích 13.249m<sup>2</sup> của ông P với giá trị là 2.200.000.000 (*Hai tỷ hai trăm triệu*) đồng. N thực hiện việc viết hợp đồng theo D bảo mà không biết mục đích của D để làm gì. Sau đó, D đã chụp, gửi qua zalo cho chị H hình ảnh hợp đồng đặt cọc 500.000.000 (*Năm trăm triệu*) đồng, nhằm mục đích để chị H tin tưởng và chuyển tiền đặt cọc cho D. Khi nhận được bản hợp đồng của D qua zalo, chị H đã dùng tài khoản Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số 0399993716666 của mình chuyển số tiền 300.000.000 (*Ba trăm triệu*) đồng vào tài khoản Ngân hàng

N1 số 0351000760003 của D. Sau khi nhận được số tiền do chị H chuyển, D đã chuyển khoản 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng tiền đặt cọc cho ông P qua tài khoản của con gái ông P. D trả cho N 50.000.000 (*Năm mươi triệu*) đồng là tiền xăng xe đi lại và công của N giới thiệu mảnh đất trên cho D. Còn lại 150.000.000 (*Một trăm năm mươi triệu*) đồng, D đã chi tiêu cá nhân hết.

Đến ngày 11/7/2022, chị H chuyển tiếp cho D số tiền 5.000.000 (*Năm triệu*) đồng để làm thủ tục trích đo mảnh đất nêu trên. Khi đã quá thời hạn trong hợp đồng đặt cọc, không thấy D làm thủ tục sang tên chuyển nhượng đất cho mình, nên chị H đòi lại số tiền đã chuyển D. D nói đã mang số tiền trên đặt cọc mua đất, không trả lại cho chị H. Sau khi biết D có hành vi gian dối, chiếm đoạt tiền của chị H, vợ chồng chị H đã tố cáo hành vi của D đến Công an huyện T để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 19/CT-VKSTL ngày 31/5/2024, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc đã truy tố Đinh Văn D về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

\* Tại phiên tòa, bị cáo Đinh Văn D một lần nữa khai nhận toàn bộ hành vi của mình đã lừa đảo chiếm đoạt được số tiền 200.000.000 (*Hai trăm triệu*) đồng của bị hại Đào Thanh H như cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố. Bị cáo nhất trí với nội dung cáo trạng, không kêu oan.

\* Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Bùi Văn N: Anh N làm môi giới mua bán đất tại tỉnh Sơn La và được biết ông Lò Văn P có mảnh đất diện tích 13.249m<sup>2</sup> tại bản C, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La muốn bán. Anh N đã cung cấp thông tin mảnh đất này cho Đinh Văn D để xem có ai mua thì giới thiệu bán. Ngày 01/7/2022, anh N cùng bị cáo D đi lên nhà ông Lò Văn P vì anh N là người quen biết ông P từ trước. Giữa anh N và bị cáo D không hề có sự bàn bạc, trao đổi với nhau về việc sẽ chiếm đoạt tài sản của chị Đào Thanh H. Việc anh N viết hộ bị cáo D hai hợp đồng đặt cọc mua bán đất là làm theo hướng dẫn của bị cáo D, anh N không biết mục đích của D để làm gì. Anh N không quen biết và cũng chưa gặp chị H lần nào. Số tiền 50.000.000 (*Năm mươi triệu*) đồng mà anh N được bị cáo D đưa cho anh N là tiền phí đi lại và công giới thiệu đất cho D. Nguồn gốc của số tiền mà D đã trả cho anh N thì anh N không biết. Sau khi biết số tiền 50.000.000 (*Năm mươi triệu*) đồng mà D đưa cho mình là tiền do D phạm tội mà có, nên anh N đã tự nguyện giao nộp lại số tiền này cho cơ quan điều tra để giải quyết theo quy định của pháp luật.

\* Đối với bị hại Đào Thanh H, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Phạm Quốc V1 và ông Lò Văn P vắng mặt tại phiên tòa. Lời khai của chị H, anh V1 và ông P có trong giai đoạn điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét công khai tại phiên tòa.

Về phía chị Đào Thanh H và anh Phạm Quốc V1 trong quá trình điều tra, cũng như tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 25/6/2024, chị H và anh V1 đề

ngợi Tòa án giải quyết buộc Đinh Văn D trả lại cho chị H toàn bộ số tiền mà D đã chiếm đoạt của chị H là 200.000.000 (*Hai trăm triệu*) đồng.

\* Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử vẫn giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh và điều luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Đinh Văn D phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; xử phạt bị cáo từ 07 (Bảy) năm đến 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung tiền đối với bị cáo.

- Về vật chứng của vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị hại Đào Thanh H số tiền 50.000.000 (*Năm mươi triệu*) đồng mà bị cáo Đinh Văn D đã chiếm đoạt của chị H. Số tiền này được cơ quan điều tra thu giữ từ anh Bùi Văn N và đã bàn giao sang Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584 và Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Đổi trừ với số tiền 50.000.000 (*Năm mươi triệu*) đồng đã nêu trong xử lý vật chứng, bị cáo Đinh Văn D còn phải bồi thường thiệt hại cho bị hại Đào Thanh H số tiền là 150.000.000 (*Một trăm năm mươi triệu*) đồng.

- Về án phí: Bị cáo là người bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; đề nghị xem xét đơn xin miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm của bị cáo theo quy định của pháp luật.

\* Các ý kiến tranh luận:

- Người bào chữa trình bày lời bào chữa cho bị cáo Đinh Văn D: Nhất trí với Cáo trạng và luận tội của Viện Kiểm sát đối với bị cáo Đinh Văn D về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Nhất trí với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với bị hại như đại diện Viện Kiểm sát đã đề nghị. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Hoàn cảnh gia đình của bị cáo rất khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo Đinh Văn D được hưởng mức án thấp nhất và đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo Đinh Văn D nhất trí với lời bào chữa của người bào chữa. Không bổ sung ý kiến bào chữa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Văn N không có ý kiến tranh luận.

\* *Lời nói sau cùng của bị cáo:* Bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt số tiền 200.000.000 (*Hai trăm triệu*) đồng của chị Đào Thanh H là vi phạm pháp luật,

bị cáo rất hối hận. Hoàn cảnh gia đình của bị cáo rất khó khăn, hai con đều còn nhỏ. Bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, để bị cáo sớm được trở về với gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập là hợp pháp. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát và những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

[2] Về chứng cứ kết tội bị cáo: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T thu thập hợp pháp gồm: Đơn tố cáo của bị hại Đào Thanh H và chồng của chị H là anh Phạm Quốc V1 ngày 07/9/2023; Vật chứng thu được tại nhà ở của bị cáo là hai bản hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giữa bên bán là Lò Văn P và bên mua là Đào Thanh H lập cùng ngày 01/7/2022 (Trong đó, 01 bản hợp đồng đặt cọc ghi số tiền chuyển nhượng là 1.120.000.000 đồng, đặt cọc là 100.000.000 đồng; 01 bản hợp đồng đặt cọc ghi số tiền chuyển nhượng là 2.200.000.000 đồng, đặt cọc là 500.000.000 đồng; Số tiền 300.000.000 đồng mà chị Đào Thanh H đã chuyển khoản cho bị cáo ngày 01/7/2022 qua hệ thống Ngân hàng; Số tiền 50.000.000 đồng mà Đinh Văn D trả cho Bùi Văn N tiền xăng xe đi lại và công môi giới đất. Anh N đã nộp lại số tiền này cho cơ quan điều tra để giải quyết theo quy định của pháp luật; Các biên bản ghi lời khai của những người tham gia tố tụng, biên bản hỏi cung bị can trong quá trình điều tra, truy tố và lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa.

Xét thấy lời khai của bị cáo Đinh Văn D trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử phù hợp với lời khai của bị hại Đào Thanh H, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Được chứng minh bằng vật chứng thu được cùng toàn bộ các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa. Như vậy, đã có đủ cơ sở khẳng định: Vào khoảng cuối tháng 6/2022, bị cáo Đinh Văn D được biết ông Lò Văn P có mảnh đất diện tích 13.249m<sup>2</sup> tại bản C, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La đang muốn bán với giá 1.120.000.000 (*Một tỷ một trăm hai mươi triệu*) đồng, tiền đặt cọc mua đất là 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng thì đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của những người có nhu cầu mua đất. Khi chị Đào Thanh H là người có nhu cầu mua đất hỏi bị cáo thì bị cáo nói chủ đất muốn bán mảnh đất với giá 2.200.000.000 (*Hai tỷ hai trăm triệu*) đồng và rủ chị H góp tiền để mua chung.

Bị cáo nói để mua mảnh đất trên phải đặt cọc 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng, trong đó D sẽ góp 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng, còn chị H góp 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng và chị H đã đồng ý, bảo D đi làm thủ tục đặt cọc. Ngày 01/7/2022, để thực hiện chiếm đoạt tài sản của chị H, bị cáo D đã cho thiết lập một hợp đồng đặt cọc giả tạo có nội dung đặt cọc tiền cho chủ đất là ông Lò Văn P 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng. Sau đó, bị cáo đã chụp và gửi qua zalo hình ảnh bản hợp đồng đặt cọc này cho chị H. Chị H đã tin tưởng, chuyển khoản cho D số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng để đặt cọc. Với thủ đoạn gian dối nêu trên, bị cáo D đã chiếm đoạt được của chị H 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng, còn 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng bị cáo đã trả tiền đặt cọc cho ông P.

Xét bị cáo Đinh Văn D là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản nêu trên là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, gây mất an ninh trật tự ở địa phương. Hành vi mà bị cáo đã thực hiện có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Bản cáo trạng và luận tội của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Các ý kiến bào chữa của người bào chữa cho bị cáo là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[3] Xét mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng.

[4] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; về phía bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội với một thời gian tương xứng, đủ để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và bản thân bị cáo không có tài sản gì có giá trị cao, nên đại diện Viện Kiểm sát đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung tiền đối với bị cáo là có căn cứ.

[7] Đối với anh Bùi Văn N, là người cung cấp thông tin mảnh đất của ông Lò Văn P cho bị cáo D. Xét thấy, anh N không đồng phạm với bị cáo D để lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản của chị H. Anh N không quen biết và cũng chưa

gặp chị H lần nào. Số tiền 50.000.000 (*Năm mươi triệu*) đồng mà anh N được bị cáo D đưa cho là tiền chi phí đi lại và công giới thiệu đất cho bị cáo. Mặt khác, sau khi biết bị cáo D đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của chị H, anh N đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra số tiền nêu trên, để giải quyết theo quy định của pháp luật. Do đó, không xem xét, xử lý.

[8] Đối với ông Lò Văn P, là chủ sở hữu thửa đất có diện tích 13.249m<sup>2</sup> tại bản C, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La. Số tiền 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng mà ông P nhận đặt cọc từ bị cáo để bán thửa đất trên. Xét đây là giao dịch dân sự, đúng quy định pháp luật và bên đặt cọc đã vi phạm nghĩa vụ cam kết. Do vậy, ông P không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận đặt cọc.

[9] Xử lý vật chứng của vụ án và trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền 50.000.000 (*Năm mươi triệu*) đồng mà cơ quan điều tra tạm giữ của anh Bùi Văn N và đã bàn giao sang Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc. Xét đây là tiền do bị cáo Đinh Văn D chiếm đoạt của chị Đào Thanh H và trả cho anh N tiền chi phí đi lại và công giới thiệu thửa đất cho bị cáo, nên số tiền này được trả lại cho chị H. Về trách nhiệm dân sự, đối trừ với số tiền 50.000.000 (*Năm mươi triệu*) đồng nêu trên, bị cáo còn phải bồi thường cho chị H số tiền là 150.000.000 (*Một trăm năm mươi triệu*) đồng.

Đối với số tiền 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng của chị H mà bị cáo đã dùng đặt cọc cho ông P và số tiền 5.000.000 (*Năm triệu*) đồng làm trích đo thửa đất là những chi phí thực tế. Chị H không yêu cầu bị cáo hoàn trả các khoản chi phí này, nên không xét đến.

Đối với chiếc điện thoại di động mà bị sử dụng làm công cụ thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị H. Bị cáo đã làm mất chiếc điện thoại này, nên cơ quan điều tra không thu giữ được. Do đó, không xem xét, xử lý.

[10] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Về án phí dân sự sơ thẩm, do bị cáo là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và bị cáo đã có đơn xin miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Đinh Văn D phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn D 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam (Ngày 11/01/2024).

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho chị Đào Thanh H số tiền 50.000.000 (*Năm mươi triệu*) đồng mà bị cáo Đinh Văn D đã chiếm đoạt của chị Đào Thanh H. (Số tiền này đã được niêm phong trong một phong bì có đóng dấu niêm phong của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T và chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong. Mặt trước phong bì ghi “Tiền vật chứng vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại huyện T, tỉnh Hòa Bình khoảng tháng 6/2022, do Bùi Văn N giao nộp số tiền là 50.000.000 (*Năm mươi triệu*) đồng”).

*(Số tiền nêu trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc theo biên bản giao nhận vật chứng số 22, ngày 04/6/2024 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc).*

**3. Trách nhiệm dân sự:** Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585 và khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Bị cáo Đinh Văn D phải bồi thường thiệt hại cho chị Đào Thanh H với số tiền là 150.000.000 (*Một trăm năm mươi triệu*) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**4. Án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Đinh Văn D phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm; miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Đinh Văn D.

**5. Quyền kháng cáo:** Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình để xin xét xử phúc thẩm. Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo cùng thời hạn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Tân Lạc;
- CQĐT Công an huyện Tân Lạc;
- Cơ quan THA hình sự;
- Chi cục THA dân sự;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa;
- Người có QLVN liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Trần Văn Mạnh**